BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 12: Từ 08/04 Đến 14/04/2024

LỚP			10A17	10A18	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 08/04	Sáng	1	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.104)									Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.402)							Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.104)		Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)		
		2																												
		3	Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.107)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)									Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)							Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.103)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)		Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.103)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)		
		4	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.107)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.101)		Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.104)										Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)							Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.104)		Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)		
		5	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.104)									Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)									Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.104)			Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		
	Chiều	6					Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.404)																						
		7					Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)																						
		8					Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.404)																						
		9					Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)																						
		10					Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.404)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.404)																						
Thứ 3 09/04	Sáng	1	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.106)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.104)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.101)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.101)																Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.104)			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)		
		2																												
		3	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.106)		Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.101)	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.101)																Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)		
		4	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.106)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.104)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)																Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.401)	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.104)			Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.401)		
		5	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.106)																					Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)					Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)		
	Chiều	6		Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.401)											Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)							Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.406)				Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.406)			
		7																												
		8		Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)											Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.402)							Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.406)				Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.406)			
		9		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)											Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.407)								Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.406)				Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.406)			
		10														Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)														
Thứ 4 10/04	Sáng	1	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.104)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)							Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)							Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.104)		Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		
		2				Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.104)																			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.104)						
		3	Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.307)		Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.407)		Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.404)							Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.106)								Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)			Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)		
		4		Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)							Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)								Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)			Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)		
		5	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)												Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)															
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			10A17	10A18	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 11/04	Sáng	1	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.307)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.404)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.404)							Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)							Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		
		2																												
		3	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.101)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.407)		Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.404)	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.404)							Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)							Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.406)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)			Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.406)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)		
		4		Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.404)							Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)							Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.406)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.401)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)		Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.406)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.401)		
		5	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.307)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)										Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.402)							Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)				Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)			
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 12/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 13/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 12: Từ 08/04 Đến 14/04/2024

LỚP			61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 08/04	Sáng	1			Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)			Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.402)				Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)					Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)		Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Tiếng anh nâng cao Triệu Văn Dũng (H3.101)			Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Vi điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)
		2																												
		3			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.102)			Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)																
		4			Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.102)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.102)				Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)																				
		5							Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)					Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)																
	Chiều	6									Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.402)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.402)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)			Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)			Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Thu Hương (TT.Tiện- Phay- bào)						Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		
		7									Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.407)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)		Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.407)												Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)			
		8														Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)														
		9									Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)													
		10																												
Thứ 3 09/04	Sáng	1			Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)					Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.107)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.402)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.402)		Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)		Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)						Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Vi điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)
		2														Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)														
		3			Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.102)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.102)						Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)																
		4			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.102)					Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)													
		5									Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)				Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)															
	Chiều	6							Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)																					
		7																												
		8							Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.402)													Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Thu Hương (TT.Tiện- Phay- bào)						Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		
		9							Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.407)																					
		10								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)																				
Thứ 4 10/04	Sáng	1			Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.107)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.403)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.403)		Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)		Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)						Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Vi điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)
		2																												
		3							Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.106)		Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.407)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.107)															
		4			Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.102)			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Văn (H5.403)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Văn (H5.403)													
		5							Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)				Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)															
	Chiều	6																		Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)					SQL Server Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)					
		7																												
		8																									Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		
		9																												
		10																												

LỚP			61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 11/04	Sáng	1			Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.102)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.102)			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.107)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.107)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.403)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.403)		Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)		Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Tiếng anh nâng cao Triệu Văn Dũng (H3.103)		Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Vi điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)
		2									Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)				Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)															
		3			Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.102)			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.407)		Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)													
		4			Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.106)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)													
		5							Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.402)				Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)																	
	Chiều	6																							SQL Server Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 12/04	Sáng	1																												
		2																		Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)		Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)							Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Vi điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)
		3																								Tiếng anh nâng cao Triệu Văn Dũng (H3.103)				
		4																												
		5																												
	Chiều	6																		Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)					SQL Server Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)			
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 13/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 12: Từ 08/04 Đến 14/04/2024

LỚP			62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 08/04	Sáng	1				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		2																												
		3						Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)				Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		4						Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)			Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)					Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
		5																			Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)					
	Chiều	6																												
		7	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()	Trang bị điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tình ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)		Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)				Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 09/04	Sáng	1		Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)		Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)				Phay Vũ Minh Cường (Phòng CAD/CAM/CNC)	
		2																		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)					Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)					
		3						Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)					
		4						Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)					
		5																			Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)					
	Chiều	6																												
		7	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()	Trang bị điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tình ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)		Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)		Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)				Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 10/04	Sáng	1				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)				Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)								Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.201)			Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.201)				Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.304)	
		2								Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)																			
		3								Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)								Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.302)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.302)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)				Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.304)	
		4																	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)				Địa lý 4 Nguyễn Thị Thủy Ngân (H5.304)	
		5																												
	Chiều	6																												
		7	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()	Trang bị điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)			Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tình ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)		Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)				Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 11/04	Sáng	1	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.303)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)								Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.302)		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.204)	
		2						Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.301)								Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.204)	
		3						Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)								Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.302)				Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.302)					Toán 4 Kim Thành Nam (H5.204)	
		4						Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.303)										Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.302)		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.302)		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)			Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.204)	
		5								Sinh học 4 Lê Thị Thảo ()	Sinh học 4 Lê Thị Thảo ()								Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.302)				Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.302)					Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	
	Chiều	6																												
		7			Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()	Trang bị điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tình ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)		Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH, ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)	Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()		Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 12/04	Sáng	1	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)					Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)											Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)			Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	
		2																												Hàn hỏ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		3						Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.301)											Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)			Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)				Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7			Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()	Trang bị điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tình ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)		Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()		Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH, ĐTCB-KTS)		Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()	Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Hàn hỏ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 13/04	Sáng	1						HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.403)								HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	
		2																			Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()					Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()		Hàn hỏ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7										Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()				Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tình ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()				Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()				Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()		Hàn hỏ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 12: Từ 08/04 Đến 14/04/2024

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 08/04	Sáng	1		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)				Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)		Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.104)				Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207_Khoa SP-KT)	
		2																												
		3		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)				Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)								
		4				Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.203)					Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.203)						Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)										
		5		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)				Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)						Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)						Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)									
	Chiều	6				Tiếng anh chuyên ngành Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP-KT)				Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà ()	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)			SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)		Văn bản pháp qui Lê Thị Châm (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.105)			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 09/04	Sáng	1		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)		Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.104)				Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		
		2													Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)		Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)								
		3		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)								
		4		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)				Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)				Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)		Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)		Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)								
		5				Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)			Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)										
	Chiều	6				Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)				Xử lý bảng tính Trần Việt Anh ()			Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình ()	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)		Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)		
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 10/04	Sáng	1		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.204)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.204)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)					Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)		Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.304)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)								
		2				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bài TH_Khoa Cơ giới)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.306)						Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.306)									
		3		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)					Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.304)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)						Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.106)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.206_Khoa SP-KT)	
		4		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)									Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.306)		Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.202)				Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.306)		Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.202)								
		5		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)					Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)						Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.304)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)										
	Chiều	6								Xử lý bảng tính Trần Việt Anh ()	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)			SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)			Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)	Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N03) (TV.301)			Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N03) (TV.301)	
		7																												
		8																								Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N03) (TV.301)				Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N03) (TV.301)
		9																												
		10																												

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 11/04	Sáng	1							Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)				Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.204)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								
		2												Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.203)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.204)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.203)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								
		3							Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)					Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.204)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)							Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.207_Khoa SP-KT)	
		4							Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)							Toán 4 Kim Thành Nam (H5.204)													
		5							Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)			Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.201)								
	Chiều	6																												
		7			Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.207_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)			Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.205)	Xử lý bảng tính Trần Việt Anh ()			Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình ()		Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.203_TH Máy tính)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()			Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)			
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 12/04	Sáng	1	Tách: Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)		Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)		Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N01) (TV.301)				Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N05) (TV_THI TN01)	Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N06) (TV_THI TN02)	
		2																												
		3		Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.203)	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.203)			Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.307)		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.307)		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)							Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N06) (TV_THI TN02)
		4																												
		5												Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)				Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)										
	Chiều	6	Tách: Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)		Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)		Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Đình Hiển (Bài TH_Khoa Cơ giới)	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.205)		Sửa chữa bộ nguồn máy tính Nguyễn Văn Trình ()				Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)				Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)			Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()		Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N02) (TV.301)		Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N04) (TV_THI TN01)			
		7																												
		8																							Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N02) (TV.301)		Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N04) (TV_THI TN01)			
		9																												
		10																												
Thứ 7 13/04	Sáng	1	Tách: Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()		Quản lý và bổ sung hàng hóa Quách Hữu Việt (Bài tập TH2_Khoa Cơ giới)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)							
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Tách: Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hồ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)				Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()		Quản lý và bổ sung hàng hóa Quách Hữu Việt (Bài tập TH2_Khoa Cơ giới)		Sửa chữa bộ nguồn máy tính Nguyễn Văn Trình ()																		
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 12: Từ 08/04 Đến 14/04/2024

LỚP			63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 08/04	Sáng	1			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()				Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)											Tiếng anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.103)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.105)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.106)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.307)				Cơ kĩ thuật Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kĩ thuật đo lường Phạm Đức Lâm (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.106)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.104)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)										Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.103)						Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	
		7								Hoá học 2 Nguyễn Thị Trang (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Trang (H5.203)																			
		8						Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)													Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)						Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)			
		9							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.104)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)																			
		10						Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)																			Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			
Thứ 3 09/04	Sáng	1			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()				Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)											Tiếng anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.103)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.105)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.106)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.404)				Cơ kĩ thuật Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kĩ thuật đo lường Phạm Đức Lâm (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6					Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.104)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)					Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu ()	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu ()				Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.103)						Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	
		7						Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)		Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)																Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)			
		8						Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.104)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)																Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)			
		9						Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)		Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)																Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	
		10																												
Thứ 4 10/04	Sáng	1			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()				Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)										Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.105)					**LĐ**	Cơ kĩ thuật Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kĩ thuật đo lường Phạm Đức Lâm (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N03) (TV.301)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)		Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N11) (TV_THI TN01)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.104)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)										Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)						Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	
		7								Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)																Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			
		8	Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N03) (TV.301)			Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N11) (TV_THI TN01)		Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)										Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.103)									
		9						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)																Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	
		10																												

LỚP			63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 11/04	Sáng	1			Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N10) (TV_THI TN02)			Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.105)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.106)										Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)			LĐ			Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)		Kĩ thuật đo lường Phạm Đức Lâm (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)				Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.104)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)					Khí cụ điện Phan Thị Lý ()	Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)				Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)			
		7																												
		8						Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)															Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
		9						Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)																Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)			
		10																												
Thứ 6 12/04	Sáng	1						Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.105)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.106)												LĐ					Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)			
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6					Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N12) (TV_THI TN03)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.203)					Khí cụ điện Phan Thị Lý ()	Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()				Vật lý 2 Chu Thị Tình (H5.103)				Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	
		7																												
		8																										Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	
		9																												
		10																												
Thứ 7 13/04	Sáng	1																							Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)				
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6										Đo lường điện Lỗ Văn Ba ()	Đo lường điện Nguyễn Anh Đức ()	Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()	Khí cụ điện Phan Thị Lý ()	Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()								Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)				
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 12: Từ 08/04 Đến 14/04/2024

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 08/04	Sáng	1	Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)									Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Cơ sở dữ liệu Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Cơ sở dữ liệu Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)				Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)			Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.201)			Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)
		7	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)		Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)
		8		Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)															Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	
		9	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)						Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.306)				Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)		VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)			Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.306)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		10		Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)								Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)													
Thứ 3 09/04	Sáng	1	Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương (H3.207_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.206_Khoa SP-KT)								Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Cơ sở dữ liệu Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Cơ sở dữ liệu Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)			Quản lý kho bãi Quách Hữu Việt ()	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)		Mạng máy tính Lê Sơn Thảo ()	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)
		7																									
		8	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)				VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)
		9	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)													Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thuý (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thuý (H5.201)										Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		10	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)				Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)		Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)
Thứ 4 10/04	Sáng	1	Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương (H3.207_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.104)					Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)		Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Cơ sở dữ liệu Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)			Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		7							Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)															Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)			
		8	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		9		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.301)		Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)			Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	
		10	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)																								Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 11/04	Sáng	1	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.205)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.206_Khoa SP-KT)				Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)						Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)				
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)			Quản lý kho bãi Quách Hữu Việt ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.102)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.102)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Mạng máy tính Lê Sơn Thảo ()		Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		7																									
		8		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	
		9	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		10																									
Thứ 6 12/04	Sáng	1	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.205)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.206_Khoa SP-KT)	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()		Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)							Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)				
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Quản lý kho bãi Quách Hữu Việt ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.102)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Sơn Thảo ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 7 13/04	Sáng	1				Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()																				
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6				Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()																				
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									